TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ (HOSE: PVD)

BÁO CÁO CẬP NHẬT - 12/12/2025

Chuyên viên phân tích
Lê Nguyễn Tú Anh
anh.lnt@shs.com.vn

Khuyến nghị:	**Khả quan**
Giá hiện tại (07/05/2025):	23,600 VND
Giá mục tiêu:	**26,300 VND**
% tăng/giảm giá:	+11.5%

Thông số cơ bản:

Vốn hóa (tỷ VND):	9.811,28
Số lượng CP lưu hành:	556.296.006
KLCP đang niêm yết:	556.296.006
KLGD trung bình 10 phiên (CP):	4.581.013
Giá thấp 52w:	33.000
Giá cao 52W:	16.650
Sở hữu nước ngoài:	50,42%
Sở hữu NĐT nước ngoài:	8,05%
Free-float:	50,00%

Diễn biến giá cổ phiếu

Nguồn: SHS Research, FiinProX

	2022	2023	2024
Tổng tài sản	20.704	21.633	23.615
Vốn chủ	14.079	14.898	16.052
Doanh thu	5.431	5.804	9.289
Lãi sau thuế	(155)	546	698
ROE	-1,1%	3,8%	4,5%
ROA	-0,7%	2,6%	3,1%
EPS (VND)	287,4	981,4	1.254,7

PVD HƯỞNG LỢI TỪ GIÀN KHOAN MỚI, GIÁ THUÊ NGÀY VÀ E&P NỘI ĐỊA PHỤC HỒI

Trong quý 3/2025, PVD đạt doanh thu 2.570 tỷ đồng (+5,4% YoY) và lợi nhuận sau thuế 277 tỷ đồng (+54,7% YoY), chủ yếu nhờ biên lợi nhuận gộp được cải thiện đáng kể. Lũy kế 9 tháng 2025, **doanh thu đạt 6.551 tỷ đồng (+11% YoY) và lợi nhuận sau thuế đạt 673 tỷ đồng (+46% YoY), qua đó hoàn thành 127% kế hoạch lợi nhuận năm.**

- PVD đưa thêm 2 giàn khoan mới vào hoạt động: PVD VIII vận hành từ 9/2025 và PVD IX dự kiến vận hành 4/2026, ước tính sẽ đóng góp lớn vào doanh thu và lợi nhuận.
- Giá thuê ngày giàn Jackup dự kiến duy trì ở mức cao trong ngắn hạn do thiếu hụt giàn đạt chất lượng trong khu vực. 2026 dự phóng giảm nhẹ do điều chỉnh giá trong khu vực nhưng dài hạn vẫn khá thuận lợi với mức tăng kỳ vọng 15%.
- Chu kỳ E&P trong nước phục hồi mạnh, PVD có thêm các hợp đồng khoan từ các mỏ Lô B - Ô Môn, Nam Du - U Minh, Sư Tử Trắng 2B... Nhu cầu khoan nội địa tạo ra khối lượng việc ổn định cho PVD trong giai đoạn 2026-2030.
- Tỷ lệ sử dụng giàn dự kiến tiếp tục duy trì ở mức cao. 2025 dự kiến dao động trong khoảng ~93-95%. 2026 có thể tăng lên 97% nhờ 2 giàn mới hoạt động và backlog dồi dào
- Nghị quyết 66.6 giúp tháo gỡ thủ tục hành chính và rút ngắn tiến độ thực hiện các dự án dầu khí trọng điểm, từ đó tạo điều kiện để PVD cải thiện hoạt động, tăng doanh thu và lợi nhuận bền vững.
- Giá dầu biến động luôn là biến số khó dự báo nhất của các công ty dầu khí nói chung và với cổ phiếu PVD nói riêng. Mức độ tương quan cao của giá dầu với giá cổ phiếu PVD cần được nhà đầu tư chú ý đặc biệt khi triển vọng giá dầu trong năm 2026 vẫn duy trì như hiện tại và chưa có nhiều khả quan có thể tác động về dài hạn tới giá thuê giàn khoan trong tương lai.

Chúng tôi cập nhật giá trị hợp lý của cổ phiếu PVD sau khi điều chỉnh dự phóng kinh doanh cho giai đoạn 2025-2026 là **26.300 VNĐ/cổ phiếu, +11.5%** so với giá cổ phiếu ngày 12/12/2025. Mức giá mục tiêu lần này cao hơn mức dự phóng tại báo cáo lần đầu ngày 8/5/2025 (TP: 19.450 VNĐ/cổ phần).

Kết quả hoạt động kinh doanh

Q3/2025, doanh thu hợp nhất tăng 5,4% so với cùng kỳ, đạt 2.570,6 tỷ VNĐ; lợi nhuận sau thuế đạt 277,1 tỷ VNĐ, tăng 54,2% so với cùng kỳ và 16% so với quý trước.

Lũy kế 9 tháng 2025 đạt 6.520,9 tỷ VNĐ, tăng 1,1% YoY và lợi nhuận sau thuế đạt 670 tỷ VNĐ tăng 45,5% YoY.

- Doanh thu dịch vụ khoan chiếm 58% và dịch vụ kỹ thuật giếng khoan đóng góp 37% tổng doanh thu. Doanh thu mảng Khoan đạt 1,5 nghìn tỷ đồng (+11% so với quý trước) và gần quay lại mức cao nhất theo quý năm 2024 (Q3/2024).
- BLNG Q3.2025 cải thiện lên 23,7%. Lợi nhuận gộp của dịch vụ khoan cũng phục hồi mạnh, đạt 360 tỷ đồng (+18% YoY), gần tương đương mức đỉnh của năm trước.

Lợi nhuận gộp mảng kinh doanh khoan & dịch vụ giếng khoan theo quý

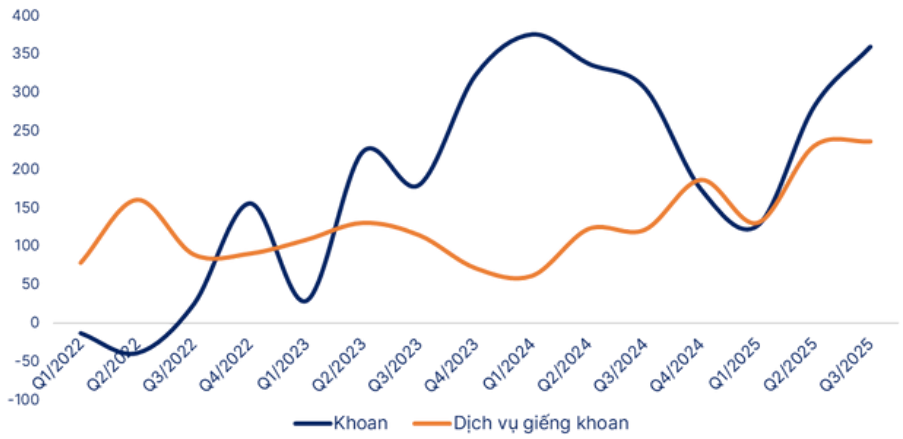

Doanh thu & lợi nhuận gộp Q3/2025 và Q3/2024

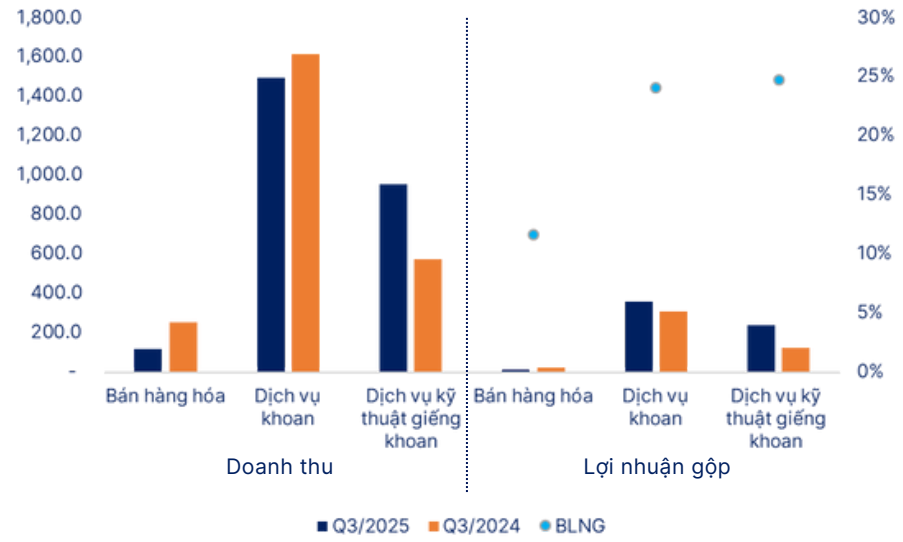

Doanh thu và lợi nhuận mảng khoan tăng trưởng được ghi nhận chủ yếu **nhờ vào sự đóng góp từ giàn PVD VIII** (hoạt động từ 1/9/2025 với hợp đồng khoan đầu tiên tại mỏ Kình Ngư Trắng cho Vietsovpetro kéo dài 267 ngày). Ngoài ra:

- Giá thuê ngày tốt hơn (khoảng 94.000 USD/ngày);
- Tỷ lệ sử dụng giàn khoan của giàn tự nâng tăng.

Bên cạnh đó khối lượng công việc của **mảng dịch vụ kỹ thuật giếng khoan tăng trưởng đột biến (+67,1% YoY)**. LNST 9T2025 có sự đóng góp lớn từ khoản thu nhập khác (do thoái vốn giàn khoan đất liền trong Q1/2025). Đồng thời, lợi nhuwaanj từ các công ty liên doanh và công ty con tăng 6,8 lần so với cùng kỳ.

Lỗ chênh lệch tỷ giá tăng do USD biến động Q3/2025 cao hơn cùng kỳ.

Cập nhật thị trường hoạt động

Giá thuê giàn tại khu vực ĐNÁ có điều chỉnh trong năm 2025 nhưng vẫn duy trì ở mức cao (~115.000 USD/ngày).

Nhu cầu giàn Jackup tại ĐNA trong 2025-2026 không tăng bùng nổ nhưng có tính bền vững và ít biến động hơn so với các chu kì trước do vai trò ngày càng quan trọng trong cơ cấu năng lượng khu vực. Về nguồn cung, cung giàn hiệu dụng bị thu hẹp do nhiều giàn cũ, bị cold-stack hoặc không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của các chiến dịch khoan mới.

Giá thuê giàn trong 2025 ghi nhận mặt bằng cải thiện đáng kể.

Giá thuê ngày bình quân hiện tại của giàn tự nâng 361-400 feet IC

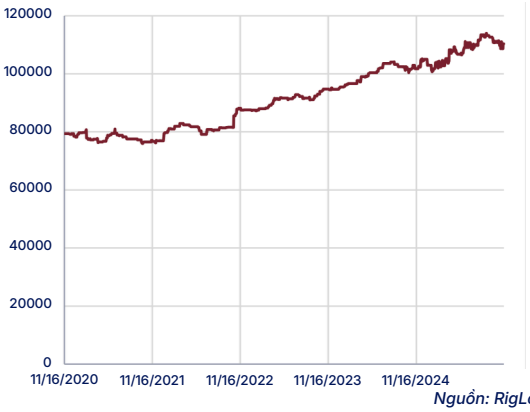

Nguồn: RigLogix

Giá thuê giàn khoan tự nâng khu vực ĐNA

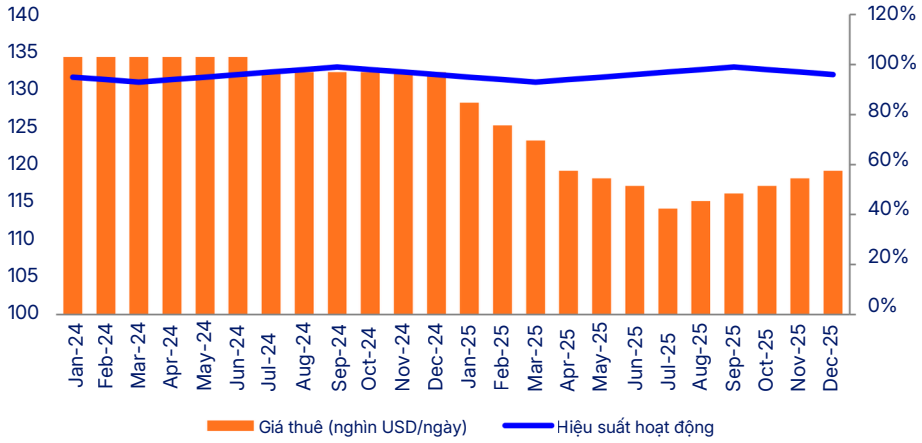

Xét theo thị trường, Malaysia và Việt Nam tiếp tục là hai khu vực trọng điểm của hoạt động jackup, trong khi Indonesia có tiềm năng lớn nhưng còn phụ thuộc nhiều vào tiến độ cấp phép và chính sách.

Thị trường jackup ĐNA 2025–2026 ở trạng thái **thuận lợi nhưng chọn lọc**, trong đó lợi ích tập trung vào các nhà thầu sở hữu giàn chất lượng cao, vận hành ổn định và có vị thế tại địa phương.

Nhu cầu giàn khoan trong nước đang sôi động

Trong ngắn hạn, nhiều dự án phát triển mỏ ngoài khơi đã có lịch/nguồn lực cụ thể:

- PVD cung cấp giàn PV Drilling VI cho Lô B&48/95 và Lô 52/97;
- PV Drilling I sẽ khoan ở cụm mỏ Sư Tử từ Q1/2026.

Các thương vụ M&A (EnQuest mua lại tài sản Harbour Energy) có thể tạo thêm chương trình khoan/khai thác trong nước.

Trong dài hạn, giai đoạn 2026-2030 là thời gian hoạt động chính với số lượng giếng tăng mạnh (3 dự án khí lớn Lô B, Nam Du -U Minh và Sư Tử Trắng đã chiếm ~50-60 giếng). Các nhà điều hành đã nộp/đề xuất kế hoạch khoan cho giai đoạn 2026-2030:

- Lô B: tổng số giếng phát triển mỏ toàn vòng đời là ~45-50 giếng;
- Sư Tử Trắng: kế hoạch 2026–2030 gồm 6–8 giếng;
- Nam Du – U Minh : khoảng 10–12 giếng;
- Chim Sáo – Dua (EnQuest): đã công bố kế hoạch thêm giếng bổ sung sau khi nhận tài sản từ Harbour Energy.

Nguồn: PVD, SHS Research

Lịch khoan 2025-2027

	2025						2026												2027											
	Q3			Q4			Q1			Q2			Q3			Q4			Q1			Q2			Q3			Q4		
	7	8	9	10	11	12	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
PV Drilling I	Malaysia - 2 năm								VN - 30 ngày	Việt Nam - 310 ngày																				
PV Drilling II	Indonesia - 3 năm						Indonesia - 3 năm																							
PV Drilling III	Indonesia - 3 năm																													
PV Drilling VI	Malaysia - 2 năm						Malaysia - 130 ngày			Malaysia - 140-177 ngày						Malaysia - 60 ngày		Malaysia - 120 ngày				Malaysia (2 giếng chắc chắn + 2 giếng tùy chọn)								
PV Drilling V	Brunei - 6 năm chắc chắn + 2 năm tùy chọn gia hạn																													
PV Drilling VIII			Việt Nam - 267 ngày										Malaysia - 60 ngày			Malaysia - 300 ngày														
PV Drilling IX			Tái khởi động		Về VN		Bảo dưỡng			Sẵn sàng hoạt động																				
Giàn đối tác #1			Việt Nam - 185 ngày																											
Giàn đối tác #2	VN-3 giếng		Việt Nam - 1 giếng				Việt Nam - 208 ngày																							
Giàn đối tác #3					Việt Nam - 150 ngày																									
Giàn đối tác #4					Việt Nam - 103 ngày																									

Nguồn: PVD, SHS Research

PVD đã mua thêm 2 giàn khoan mới PV Drilling VIII (đã vận hành từ tháng 8/2025) và PV Drilling IX (dự kiến vận hành vào Q1/2026). Giai đoạn 2026–2028 là chu kỳ tăng trưởng mạnh của PVD nhờ toàn bộ giàn tự nâng đều có việc, đặc biệt trong năm 2026 khi PVD IX dự kiến sẽ được đưa vào hoạt động.

- Hiệu suất sử dụng giàn dự kiến duy trì 90-100%;
- Giá thuê ngày tiếp tục tăng theo xu hướng thị trường trong khu vực;

Nghị quyết 66.6/NQ-CP của Chính phủ được ban hành nhằm tháo gỡ các vướng mắc pháp lý và đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án dầu khí trọng điểm, đặc biệt là các dự án khí phục vụ an ninh năng lượng quốc gia như Lô B – Ô Môn, Nam Du – U Minh và Sư Tử Trắng giai đoạn 2B.

Nghị quyết cho phép áp dụng các cơ chế đặc thù trong phê duyệt hợp đồng, lựa chọn nhà thầu và phối hợp liên ngành, qua đó rút ngắn thời gian ra quyết định đầu tư và triển khai chương trình khoan.

Việc PVN được trao quyền tự chủ cao hơn được kỳ vọng sẽ đẩy nhanh tiến độ các dự án thăm dò – khai thác, qua đó thúc đẩy toàn bộ chuỗi giá trị ngành dầu khí, từ khâu E&P, dịch vụ kỹ thuật, vận chuyển khí cho tới phân phối trong giai đoạn 2026–2030.

Đối với PVD, đây là yếu tố hỗ trợ rất tích cực khi giúp hình thành khối lượng công việc khoan ổn định và mang tính dài hạn trong giai đoạn 2025–2030, duy trì tỷ lệ sử dụng giàn ở mức cao và tạo dư địa cải thiện đơn giá thuê ngày đối với giàn khoan tự nâng.

Dự phóng

Trong bối cảnh ngành dầu khí trong nước duy trì tích cực trong trung hạn, **động lực tăng trưởng tới từ ba yếu tố then chốt**:

- Nhu cầu khoan trong nước tăng mạnh khi các dự án trọng điểm như Lô B Ô Môn, Nam Du U Minh và Sư Tử Trắng 2B được đẩy nhanh tiến độ;
- Giá thuê ngày của giàn jackup duy trì ở vùng cao do tình trạng thiếu hụt giàn đạt chất lượng trong khu vực ĐNA cùng với tỷ lệ sử dụng giàn luôn trên 90%.
- PVD bước vào chu kỳ mở rộng công suất với 2 giàn khoan mới (PVD VIII & PVD IX) bắt đầu đóng góp từ 2025 và 2026.

Chúng tôi điều chỉnh tăng dự phóng kinh doanh cho PVD giai đoạn 2025-2026, phản ánh đóng góp từ giàn khoan mới, hợp đồng mới và giá thuê ngày của các giàn hiện hữu tăng. Dù giá thuê có thể giảm 5% trong 2026 theo xu hướng điều chỉnh chung tại ĐNA, triển vọng dài hạn vẫn khá thuận lợi với mức tăng kỳ vọng 15%.

Năm 2025 dự phóng **doanh thu thuần đạt 9,907 tỷ VNĐ (+6.7% YoY)** và **lợi nhuận sau thuế đạt 953 tỷ VNĐ (+36.5% YoY)**. Trong đó, doanh thu từ dịch vụ kỹ thuật giếng khoan có mức tăng đột biến nhờ khối lượng công việc tăng.

Năm 2026, **doanh thu dự kiến đạt 10,669 tỷ VNĐ (+7.7%)** và **lợi nhuận sau thuế đạt 923 tỷ VNĐ (-3.1% YoY)** do giá thuê ngày trong khu vực điều chỉnh giảm 5% và khối lượng công việc ở mảng dịch vụ giếng khoan giảm nhẹ.

tỷ VND	2024	%YoY	Q3/2025	%YoY	2025F	%YoY	2026F	%YoY
Doanh thu thuần	**9,288**	*6.7%*	**2,571**	*5.4%*	**9,907**	*6.7%*	**10,669**	*7.7%*
Dịch vụ khoan	5,602	*38.7%*	1,496	*-7.2%*	5,460	*-2.5%*	6,266	*14.8%*
BLNG DV khoan	*21.3%*		*24.1%*		*22.8%*		*21.2%*	
Dịch vụ kỹ thuật giếng khoan	2,433	*54.5%*	954	*67.1%*	3,928	*61.4%*	3,677	*-6.4%*
BLNG DVKTGK	*20.2%*		*24.7%*		*24.2%*		*24.2%*	
Khác	1,201	*-56.8%*	120	*-52.8%*	519	*-56.8%*	726	*39.9%*
BLNG khác	*3.6%*		*11.7%*		*5.7%*		*5.7%*	
Lợi nhuận gộp	**1,754**	*34.4%*	**609**	*35.7%*	**2,230**	*27.1%*	**2,263**	*1.5%*
Biên lợi nhuận gộp	*18.9%*		*23.7%*		*22.5%*		*21.2%*	
Doanh thu tài chính	152	*13.2%*	40	*-16.7%*	158	*4.2%*	171	*8.3%*
Chi phí tài chính	(400)	*2.1%*	(98)	*2.4%*	(515)	*28.6%*	(567)	*10.3%*
SG&A	(635)	*16.2%*	(208)	*21.2%*	(769)	*21.1%*	(854)	*11.1%*
Lợi nhuận trước thuế	**937**	*42.4%*	**366**	*47.0%*	**1,211**	*29.2%*	**1,173**	*-3.1%*
Thuế thu nhập DN	(239)	*112.8%*	(89)	*25.3%*	(258)	*7.8%*	(250)	*-3.1%*
Lợi nhuận sau thuế	**698**	*27.8%*	**277**	*54.2%*	**953**	*36.5%*	**923**	*-3.1%*
Biên lợi nhuận ròng	*7.5%*		*10.8%*		*9.6%*		*8.7%*	
EPS (VND/cp)	1,255	*27.8%*	459	*66.9%*	1,713	*36.5%*	1,659	*-3.1%*

Sử dụng phương pháp chiết khấu dòng tiền FCFF, **giá trị hợp lý của cổ phiếu PVD sau khi điều chỉnh dự phóng là: 26.300 VND/cổ phiếu, +11.5%** so với giá 23.600 VND/cổ phiếu vào ngày 12/12/2025.

PHỤ LỤC 1

Bảng cân đối kế toán

Tỷ VND	2023	2024	2025F	2026F
Tài sản ngắn hạn	**6,927.9**	**7,782.4**	**10,622.5**	**12,505.9**
Tiền và tương đương tiền	2,256.0	2,203.3	4,344.5	5,735.8
Đầu tư ngắn hạn	1,278.2	770.2	821.6	884.8
Các khoản phải thu	2,314.0	3,469.3	3,865.3	4,133.7
Hàng tồn kho	999.9	1,215.9	1,460.8	1,608.2
Tài sản khác	79.8	123.6	130.3	143.4
Tài sản dài hạn	**14,705.0**	**15,832.2**	**16,535.9**	**16,467.5**
Phải thu dài hạn	103.9	319.5	184.0	252.1
Tài sản cố định	13,115.4	12,860.9	12,691.7	12,612.6
Đầu tư dài hạn	666.1	681.4	707.5	582.7
Tài sản khác	819.6	1,970.4	2,952.7	3,020.2
Tổng tài sản	**21,632.8**	**23,614.6**	**27,158.4**	**28,973.4**
Nợ ngắn hạn	**3,146.1**	**4,124.1**	**4,702.6**	**5,209.8**
Phải trả ngắn hạn	569.4	1,172.6	1,021.6	1,163.7
Người mua trả tiền trước	263.4	48.7	211.7	259.4
Vay nợ ngắn hạn	553.4	507.3	927.5	871.8
Nợ khác	1,760.0	2,395.5	2,541.9	2,914.9
Nợ dài hạn	**3,588.6**	**3,438.1**	**4,974.0**	**5,188.6**
Vốn chủ sở hữu	**14,898.2**	**16,052.3**	**17,481.8**	**18,575.0**
Vốn góp	5,563.0	5,563.0	5,563.0	5,563.0
Thặng dư vốn cổ phần	2,434.1	2,434.1	2,434.1	2,434.1
Lợi nhuận giữ lại	693.6	1,021.7	1,696.4	2,341.1
Vốn khác	5,970.3	6,783.5	7,553.0	7,997.9
Lợi ích cổ đông thiểu số	237.3	250.0	235.4	238.8
Tổng nguồn vốn	**21,632.8**	**23,614.6**	**27,158.4**	**28,973.4**

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Tỷ VND	2023	2024	2025F	2026F
Lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động kinh doanh	1,616.1	1,036.9	1,807.5	2,344.0
Lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động đầu tư	(894.2)	(757.8)	(1,337.8)	(739.7)
Lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động tài chính	(589.7)	(438.6)	1,564.8	(319.9)
Lưu chuyển tiền thuần	**132.2**	**(159.5)**	**2,034.5**	**1,284.5**

Báo cáo kết quả kinh doanh

Tỷ VND	2023	2024	2025F	2026F
Doanh thu thuần	**5,804.4**	**9,288.1**	**9,907.0**	**10,669.2**
Giá vốn bán hàng	**(4,498.9)**	**(7,533.9)**	**(7,677.3)**	**(8,406.3)**
Lợi nhuận gộp	**1,305.5**	**1,754.2**	**2,229.7**	**2,262.9**
Doanh thu tài chính	134.2	151.9	158.3	171.4
Chi phí tài chính	(392.1)	(400.2)	(514.5)	(567.4)
Lãi/lỗ từ công ty liên doanh	66.1	48.7	82.3	88.7
Chi phí hoạt động	(546.7)	(635.2)	(769.3)	(854.3)
Thu nhập khác, ròng	91.2	17.9	24.5	71.5
Lợi nhuận trước thuế	**658.4**	**937.2**	**1,211.0**	**1,172.9**
Thuế TNDN	**(112.4)**	**(239.2)**	**(258.0)**	**(249.8)**
Lợi nhuận sau thuế	**545.9**	**698.0**	**953.0**	**923.0**

Các chỉ số tài chính

Tỷ VND	2023	2024	2025F	2026F
Chỉ số định giá				
SLCP lưu hành (triệu CP)	556.296,0	556,296.0	556,296.0	556,296.0
EPS (VND)	981.4	1,254.7	1,128.5	1,289.8
Chỉ số sinh lời				
Biên LN gộp	22.5%	18.9%	20.7%	20.7%
Biên LN ròng	9.4%	7.5%	7.8%	8.4%
ROE	3.8%	4.5%	4.0%	4.6%
ROA	2.6%	3.1%	2.7%	3.0%
Chỉ số đòn bẩy				
Tỷ số nợ vay/tổng tài sản	0.31	0.32	0.35	0.35
Tỷ số nợ vay/VCSH	0.22	0.22	0.22	0.22
Hệ số TT hiện hành	2.20	2.20	2.20	2.20
Hệ số TT nhanh	1.86	1.56	1.60	1.68

HỆ THỐNG KHUYẾN NGHỊ

Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 20% trở lên trong khoảng thời gian 12 tháng

Khả quan: Kỳ vọng tăng giá từ 10% - 20% trong khoảng thời gian 12 tháng

Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá đến 10% trong khoảng thời gian 12 tháng

Kém khả quan: Kỳ vọng giảm giá đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng

Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá 20% trở lên trong khoảng thời gian 12 tháng

Cần lưu ý: Đây là những mã cổ phiếu có những thông tin bất thường hay có giao dịch bất thường... có ảnh hưởng trọng yếu đến doanh nghiệp. (Mục tiêu cung cấp thông tin cho nhà đầu tư)

Không khuyến nghị: Bộ phận nghiên cứu đang hoặc sẽ nghiên cứu cổ phiếu này nhưng không đưa ra khuyến nghị hay giá mục tiêu vì lý do chủ quan hoặc chỉ để tuân thủ các qui định của luật và/hoặc chính sách công ty trong các trường hợp nhất định tránh các xung đột lợi ích, ví dụ như SHS đang thực hiện tư vấn chiến lược, IPO...

Chưa khuyến nghị: Khuyến nghị đầu tư và giá mục tiêu cho cổ phiếu không được đưa ra do chưa có đủ thông tin cơ sở để xác định khuyến nghị đầu tư hoặc giá mục tiêu. Khuyến nghị đầu tư hoặc giá mục tiêu trước đó, nếu có, không có hiệu lực đối với cổ phiếu này.

TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin, không phải và sẽ không được hiểu là một lời đề nghị hoặc một lời mời chào để thực hiện bất cứ giao dịch chứng khoán hoặc công cụ tài chính nào khác. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo. SHS không chịu trách nhiệm về bất cứ kết quả nào phát sinh từ việc sử dụng nội dung của báo cáo dưới mọi hình thức.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi Bloomberg và FiinGroup.

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Số 43 Lý Thường Kiệt, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội
Tel: 1900 638 588
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hà Nội

Tầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngô Quyền, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội
Tel: 1900 638 588
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 3, Cao ốc Sài Gòn Metropolitan, 235 Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2, Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh Trung, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn

SHS

Kiến tạo tài chính thịnh vượng

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI (SHS)

Website: shs.com.vn

Tel: 1900 63 8588

Email: hotrokhachhang@shs.com.vn

GIAO DỊCH NGAY CÙNG SHS

App trading: SH Smart

Bảng giá: sboard.shs.com.vn

Web trading: shsmart.shs.com.vn